

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN LÃO  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 15-9-2022  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Nhạn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Ninh Văn Tinh;

Ông Nguyễn Văn Thắng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Phan Xuân Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2022/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 7 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 733/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị N, đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Thôn T, xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

- **Bị đơn:** Anh Lương Minh V, trú tại: Thôn P, xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 7 năm 2022 và các bản tự khai của nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày:*

Chị N xây dựng hạnh phúc với anh Lương Minh V do tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 05 tháng 5 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn P, xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng và có 02 con chung. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh V không tu chí, chơi bời nợ nần, chị và gia đình nhiều lần trả nợ cho anh, anh V hứa thay đổi cách sống nhưng không thực hiện. Chị đưa 02 con về nhà bố mẹ đẻ ở thôn TT, xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng từ tháng 12 năm 2021, vợ chồng sống ly thân nhau. Anh V ghen tuông vô cớ, nghi ngờ chị có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, anh làm mất danh dự của chị ảnh hưởng đến con cái, bản thân chị không có việc quan hệ ngoại tình. Chị N xét thấy không còn tình cảm với anh V, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh Lương Minh V. Về con chung: Chị N và anh V có 02 con chung là Lương Thị Kim N, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2011 và Lương Thị Như Y, sinh ngày 26 tháng 3 năm 2014. Ly hôn Chị N đề nghị được nuôi con Lương Thị Như Y, chị nhường anh V nuôi con Lương Thị Kim N. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lương Minh V trình bày: Anh nhất trí lời khai của Chị N về thời gian và điều kiện kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Đến cuối năm 2021 anh vào Miền Nam làm kinh tế mỗi tháng anh về với vợ con một lần theo yêu cầu của Chị N. Chị N ở nhà đi làm công nhân và có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, thực tế anh không bắt được quả tang nhưng con gái anh là Lương Thị Kim N xem điện thoại thấy Chị N chụp ảnh tình cảm với người đàn ông đó. Anh khuyên can và tha thứ cho Chị N vì anh vẫn yêu thương Chị N. Chị N xin ly hôn anh, anh xin đoàn tụ. Về con chung: Anh V nhất trí vợ chồng có 02 con chung, họ, tên, tuổi con như Chị N trình bày. Nếu tòa án giải quyết cho Chị N ly hôn thì anh đề nghị được nuôi con Lương Thị Kim N, anh nhường Chị N nuôi con Lương Thị Như Y. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản chung: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Đề nghị xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn anh Lương Minh V. Về con chung: Giao con Lương Thị Như Y, sinh ngày 26 tháng 3

năm 2014 cho chị Phạm Thị N nuôi dưỡng; giao con Lương Thị Kim N, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2011 cho anh Lương Minh V nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản chung: Chị N và anh V không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Chị N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị N có đơn đề nghị tòa án giải quyết ly hôn anh Lương Minh V. Anh Lương Minh V có nơi cư trú tại thôn P, xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Lương Minh V xây dựng hạnh phúc với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 05 tháng 5 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn P, xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng và có 02 con chung. Quá trình chung sống Chị N và anh V xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cách sống không phù hợp nhau. Anh V chơi bời nợ nần, gia đình bán nhà để trả nợ cho anh V, anh V vào Miền Nam từ cuối năm 2021. Chị N đưa 02 con về nhà bố mẹ để chị ở cùng xã Chiến Thắng. Chị N xin ly hôn, anh V nghi ngờ Chị N có quan hệ tình với người đàn ông khác nhưng anh không có chứng cứ chứng minh, anh V xin đoàn tụ. Căn cứ vào tài liệu xác minh gia đình và địa phương cho thấy Chị N và anh V chung sống xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh V chơi bời, nợ nần. Chị N sống tại gia đình và địa phương không có điều tiếng gì. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa Chị N và anh V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N xin ly hôn anh V là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị N và anh V có 02 con chung là Lương Thị Kim N, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2011 và Lương Thị Như Y, sinh ngày 26 tháng 3 năm 2014. Ly hôn Chị N và anh V có đề nghị mỗi người được nuôi một con. Cháu Ngân và cháu Ý đều trên 7 tuổi, cháu Ngân có đơn đề nghị ở với anh V, cháu Ý có đơn đề nghị ở với Chị N. Xét thấy Chị N và anh V đều có trách nhiệm nuôi con nên giao cho chị Phạm Thị N nuôi con Lương Thị Như Y, giao cho anh Lương Minh V nuôi con Lương Thị Kim N là phù hợp. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[4] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị N và anh Lương Minh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chị Phạm Thị N được ly hôn anh Lương Minh V.

2. Về con chung: Giao con Lương Thị Như Y, sinh ngày 26 tháng 3 năm 2014 cho chị Phạm Thị N nuôi dưỡng; giao con Lương Thị Kim N, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2011 cho anh Lương Minh V nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Phạm Thị N đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001273 ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Chị Phạm Thị N đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Phạm Thị N và anh Lương Minh V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND xã C;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Nhạn**